

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/5/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Đước;**
2. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 886/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Thanh K, sinh năm 1992; địa chỉ: số 38 F2, hẻm 3, M T, phường Xuân Khánh, Quận N K, thành phố Cần Thơ (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp B T, xã B P X, huyện C M, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải được nguyên đơn anh Lê Thanh K trình bày: Anh và chị T do quen biết với nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2010, anh chị có đăng ký mới đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Khánh, Quận N K, thành phố Cần Thơ, anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cự cãi, không hợp nhau. Anh chị không còn chung sống từ cuối năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nay anh yêu cầu ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung Lê Ngọc N, sinh ngày 01/4/2011, hiện nay sống chung với chị T, khi ly hôn anh đồng ý để chị T được trực tiếp, chăm sóc,

nuôi dưỡng cháu N, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, cho đến khi cháu N thành niên cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Lê Thanh K xác định không có.

- Về nợ chung: Anh Lê Thanh K xác định không có xác định không có.

Chị Nguyễn Thị T đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị vắng mặt, cũng như không tham gia các phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Thanh K yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị T có nơi cư trú ấp B T, xã B P X, huyện C M, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Anh Lê Thanh K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K, chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Thanh K và chị Nguyễn Thị T chung với nhau vào năm 2010 anh chị có đăng ký kết theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Khánh, Quận N K, thành phố Cần Thơ nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hay cự cãi. Anh K, chị T không còn sống chung từ cuối năm 2015 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K.

[3] Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung Lê Ngọc N, sinh ngày 01/4/2011, hiện nay sống chung với T, khi ly hôn K đồng ý để chị T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu N, nhưng không ghi nhận được ý kiến của cháu. Trong quá trình làm việc anh K cũng đồng ý để chị T được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, chị T không có ý kiến phản đối. Tuy N, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu N, sống ổn định với chị T vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, anh K cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật cho đến khi cháu N thành niên, trong quá trình giải quyết vụ án chị T không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh K.

[5] Về tài sản chung: Anh K xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh K xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận anh Khoa xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh K và chị T thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Lê Thanh K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ

Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thanh K

- Về hôn nhân: Anh Lê Thanh K được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 113 quyển số 01 ngày 30/10/2006 của Ủy ban nhân dân Quận N K, thành phố Cần Thơ không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Ngọc N, sinh ngày 01/4/2011. Anh Lê Thanh K phải cấp dưỡng nuôi con theo đúng quy định pháp luật cho đến khi cháu N thành Niên

Chị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Anh Lê Thanh K xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh Lê Thanh K xác định không có xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận anh K xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh K và chị T trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Anh Lê Thanh K xác định phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012500 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh An Giang. Anh Lê Thanh K phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Ủy ban nhân dân quận NK;
thành phố Cần Thơ.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn